TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thống

2. Ông Hồ Quốc Trị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Trần Minh L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp XN, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 09 năm 2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày yêu cầu:*

Bà T và ông Trần Minh L do mai mối nên đã thành hôn năm 1994, cha mẹ có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương, ông bà cũng đồng ý kết hôn, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu về chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là không hạp nhau trong làm ăn, từ đó xảy ra cự cải. Kéo dài nhiều năm cũng không có cách giải quyết, ông bà sống ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, xét thấy hết tình cảm nên bà T xin ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Minh L được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tống đạt thông báo phiên họp, phiên hòa giải 02 lần nhưng đương sự không có

mặt nên Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Trần Minh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Minh L do mai mối nên đã kết hôn vào năm 1994, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Theo trình bày của bà T, thời gian mới về chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hạp nhau trong làm ăn, từ đó dẫn đến cự cải, ông bà sống ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không khắc phục được mâu thuẫn nên bà T yêu cầu ly hôn, ông L vắng mặt nên không có ý kiến. Xét thấy, bà T và ông L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà T và ông L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà T phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Trần Minh L.

- Về con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà T phải chịu, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016106 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính